TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Ông Huỳnh Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2026/TLST – DS ngày 26 tháng 02 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST-DS ngày 14/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thành L- Cán bộ xử lý nợ. (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn H- Căn bộ xử lý nợ (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Hoàng Xuân H1- Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Trọng T- Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Võ Thùy L1- Cán bộ xử lý nợ. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: D B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Theo văn bản ủy quyền số 3227/2026/UQ-VPB ngày 01/4/2026*)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện Ngân hàng TMCP V2 trình bày:

Bà Trần Thị Hồng Đ có ký với Ngân hàng TMCP V2 (gọi tắt là V1) Hợp đồng cho vay số LD2326900194 ký ngày 26/9/2023: Nội dung:

+ Số tiền cho vay: 178.700.000 đồng;

+ Giải ngân ngày: 26/9/2023;

+ Mục đích vay: vay tiêu dùng và mua bảo hiểm;

+ Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 26/9/2023 đến ngày 04/9/2028);

+ Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 43%/năm cố định đến 26/9/2024, sau đó được điều chỉnh thành 47%/năm;

+ Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

+ Kỳ trả nợ gốc: 1 tháng 1 lần vào ngày 4, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 4/11/2024;

+ Kỳ trả nợ lãi: 1 tháng 1 lần vào ngày 4, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 4/11/2023;

Bà Đ đã thanh toán số tiền là 705.201 đồng (Trong đó: Nợ gốc đã thanh toán là 0 đồng; Nợ lãi trong hạn là 0 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 705.201 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 04/10/2023. Mặc dù, V1 rất nhiều lần làm việc yêu cầu bà Đ thanh toán nợ, nhưng đến nay bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1. Vì vậy V1 đã thực hiện chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại các khoản vay nêu trên thành nợ quả hạn kể từ ngày 04/10/2023 (số ngày quá hạn tạm tính đến ngày 29/04/2026 là 939 ngày) và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay.

Tạm tính đến ngày 29/04/2026, bà Đ còn nợ V1 số tiền là: 493.268.110 đồng (B trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc 178.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.684.186 đồng, nợ lãi quá hạn 312.883.924 đồng.

Nay V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị Hồng Đ phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 29/04/2026 là: 493.268.110 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc 178.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.684.186 đồng, nợ lãi quá hạn 312.883.924 đồng.

2. Bà Trần Thị Hồng Đ phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, từ ngày 30/04/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1

Đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đ không có mặt, không có bản tự khai gửi Tòa án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ngân hàng TMCP V2 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng Đ trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng*:

Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N). Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/04/2026 là: 493.268.110 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc 178.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.684.186 đồng, nợ lãi quá hạn 312.883.924 đồng:*

Ngày 26/9/2023, V1 và bà Đ ký Hợp đồng cho vay số LD2326900194 với số tiền vay 178.700.000đ. Cùng ngày, V1 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay trên cho bà Đ.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc vào ngày 04 hàng tháng, gồm 48 kỳ, bắt đầu từ ngày 04/11/2024; tiền lãi vào ngày 04 hàng tháng, gồm 60 kỳ, bắt đầu từ ngày 04/11/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ mới thanh toán cho V1 số tiền lãi là 705.201 đồng, chưa thanh toán tiền gốc. Sau đó bà Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 04/10/2023 nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang quá hạn.

Xét thấy: Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của V1 trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với sao kê giao dịch tài khoản vay, số tiền lãi đã thanh toán thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đ phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/04/2026 là: 493.268.110 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm mười đồng). Trong đó: Nợ gốc 178.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.684.186 đồng, nợ lãi quá hạn 312.883.924 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Bà Đ còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 493.268.110 đồng.

Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc bà Trần Thị Hồng Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 29/4/2026 là **493.268.110 đồng (B trăm chín mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm mười đồng)**. Trong đó: Nợ gốc 178.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.684.186 đồng, nợ lãi quá hạn 312.883.924 đồng

Kể từ ngày 30/4/2026, bà Trần Thị Hồng Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **23.730.724 đồng** (Hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi ngàn, bảy trăm hai mươi bốn đồng).

- Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền **8.536.463 đồng** (tám triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 005935 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 13;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình